



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 14, NGÀY 23/11/2025

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Ca thi	Thời gian		Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 101B4	Sáng	7h00'	8h00'	31
02	Phòng 102B4		7h00'	8h00'	30
03	Phòng 103B4		7h00'	8h00'	26
04	Phòng 104B4		7h00'	8h00'	32
05	Phòng 201B4		7h00'	8h00'	31
06	Phòng 202B4		7h00'	8h00'	31
07	Phòng 203B4		7h00'	8h00'	28
08	Phòng 204B4		7h00'	8h00'	32
09	Phòng 205B4		7h00'	8h00'	28
10	Phòng 206B4		7h00'	8h00'	39

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 01

ĐỊA ĐIỂM: P.101- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0022412506	Hứa Hồ Hoàng	Ân	Nam	Kinh	03/01/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
2	002	0023412313	Hoàng Thị Mai	Anh	Nữ	Kinh	13/9/2005	Nam Định	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
3	003	0022412626	Lã Phương	Anh	Nữ	Kinh	17/10/2004	Ninh Bình	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
4	004	0022411441	Lê Ngọc Minh	Anh	Nữ	Kinh	16/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
5	005	0024415905	Lê Trang	Anh	Nữ	Kinh	07/9/2006	Tây Ninh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
6	006	0024415754	Nguyễn Hồ Huế	Anh	Nữ	Kinh	18/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
7	007	0023411048	Nguyễn Thị Huyền	Anh	Nữ	Kinh	09/9/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
8	008	0023413138	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	Kinh	28/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
9	009	0022411601	Trần Ngọc Huỳnh	Anh	Nữ	Kinh	09/12/2004	An Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
10	010	0023413625	Võ Duy	Anh	Nam	Kinh	04/02/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
11	011	0024419522	Nguyễn Thị Bảo	Ánh	Nữ	Kinh	06/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
12	012	0022410679	Phan Thị Khánh	Băng	Nữ	Kinh	01/3/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
13	013	0024415452	Trịnh Khánh	Băng	Nữ	Kinh	28/11/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
14	014	0024416817	Bùi Quốc	Bảo	Nam	Kinh	06/9/2006	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
15	015	0024417096	Ngô Gia	Bảo	Nam	Khmer	24/3/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
16	016	0023411843	Phạm Thị Cẩm	Bình	Nữ	Kinh	07/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
17	017	0022411950	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	Nữ	Kinh	22/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
18	018	0022411256	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	Kinh	15/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
19	019	0023410133	Trần Cẩm	Đà	Nữ	Kinh	10/11/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
20	020	0023412690	Nguyễn Thị Linh	Đang	Nữ	Kinh	07/02/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
21	021	0022412514	Đỗ Đạt	Đặng	Nam	Kinh	21/4/2004	An Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
22	022	0022412225	Trần Hải	Đặng	Nam	Kinh	20/02/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
23	023	0024417428	Lê Nguyễn Quỳnh	Dao	Nữ	Kinh	27/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
24	024	0024418296	Trần Thị	Đào	Nữ	Kinh	14/6/2006	An Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
25	025	0022410140	Huỳnh Tuấn	Đạt	Nam	Kinh	17/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
26	026	0024415856	Lê Phong	Đạt	Nam	Kinh	06/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
27	027	0023412317	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	Kinh	24/12/2005	Long An	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
28	028	0024416893	Võ Văn	Đạt	Nam	Kinh	17/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
29	029	0021411188	Võ Minh	Đầy	Nam	Kinh	16/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
30	030	0024418239	Nguyễn Phong	Dinh	Nam	Kinh	24/9/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
31	031	0023411370	Lê Kiên	Định	Nữ	Kinh	12/6/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4

Tổng số thí sinh: 31



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	032	0022410011	Ngô Bảo Đô	Nam	Kinh	28/10/2004	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
2	033	0022412730	Phạm Tấn Du	Nam	Kinh	18/6/2004	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
3	034	0024418418	Lê Trần Hoàng Dung	Nữ	Kinh	12/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
4	035	087309005445	Đặng Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	21/5/2009	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
5	036	0024415413	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	08/10/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
6	037	0022412110	Phạm Thùy Dương	Nữ	Kinh	28/3/2004	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
7	038	0024418376	Nguyễn Lê Hoàng Duy	Nam	Kinh	24/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
8	039	087191021446	Phạm Mai Duy	Nữ	Kinh	04/10/1991	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
9	040	0022410376	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	29/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
10	041	0023414186	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	05/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
11	042	0024415999	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Nữ	Kinh	13/12/2006	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
12	043	0022411922	Đặng Thị Hồng Gấm	Nữ	Kinh	19/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
13	044	0024415897	Lại Trường Giang	Nam	Kinh	12/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
14	045	0022411663	Trần Trường Giang	Nam	Kinh	27/01/2003	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
15	046	0023411485	Hồ Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	13/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
16	047	0025410970	Huỳnh Hồng Hân	Nữ	Kinh	15/9/2007	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
17	048	080303001484	Nguyễn Thị Bảo Hân	Nữ	Kinh	08/10/2003	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
18	049	0022410796	Nguyễn Thị Kiều Hân	Nữ	Kinh	13/10/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
19	050	0022411634	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	27/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
20	051	0022412316	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	06/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
21	052	0022411059	Nguyễn Trần Gia Hân	Nữ	Kinh	16/10/2004	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
22	053	0023310086	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	02/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
23	054	0024418579	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	Nữ	Kinh	10/9/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
24	055	0024417822	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Nữ	Kinh	20/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
25	056	0023411216	Đặng Thị Kiều Hạnh	Nữ	Kinh	12/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
26	057	0023410982	Đỗ Thị Ngọc Hạnh	Nữ	Kinh	19/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
27	058	0024416867	Phan Chí Hào	Nam	Kinh	24/3/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
28	059	0024417094	Lâm Trần Mỹ Hiền	Nữ	Kinh	09/02/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
29	060	0022412521	Nèang Kim Hiền	Nữ	Khmer	10/7/2004	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
30	061	0024417326	Nguyễn Thanh Hiền	Nam	Kinh	03/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4

Tổng số thí sinh: 30



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 03

ĐỊA ĐIỂM: P.103- B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	062	0022411009	Phan Thị Diệu	Hiền	Nữ	Kinh	01/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
2	063	0024417426	Dương Ngọc	Hoa	Nữ	Kinh	19/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
3	064	0024416689	Trần Thị Lại	Hoa	Nữ	Kinh	01/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
4	065	0022412203	Nguyễn Thị Phước	Hoài	Nữ	Kinh	22/7/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
5	066	087086025140	Nguyễn Thế	Hồng	Nam	Kinh	24/3/1986	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
6	067	0024415728	Huỳnh Thị Diễm	Hương	Nữ	Kinh	30/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
7	068	0023413179	Nguyễn Thiên	Hương	Nữ	Kinh	06/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
8	069	0024415758	Trần Thiên	Hương	Nữ	Kinh	05/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
9	070	0023413883	Hồ Ngọc	Huy	Nam	Kinh	05/7/2005	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
10	071	0024415847	Hoàng Quang	Huy	Nam	Kinh	30/4/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
11	072	0024418157	Lê Hoàng	Huy	Nam	Kinh	23/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
12	073	0021411329	Lê Nguyễn Gia	Huy	Nam	Kinh	18/02/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
13	074	0024419623	Kim Bích	Huyền	Nữ	Khmer	07/10/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
14	075	0024417341	Huỳnh Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	15/01/2006	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
15	076	0022411301	Nguyễn Mộng	Huỳnh	Nữ	Kinh	25/7/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
16	077	0024418401	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	11/8/2006	Cần Thơ	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
17	078	0022411388	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	04/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
18	079	0023411908	Nguyễn Nhật	Kha	Nam	Kinh	26/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
19	080	0022412577	Võ Duy	Khang	Nam	Kinh	11/11/2004	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
20	081	084086009088	Trương Công Vĩnh	Khanh	Nam	Kinh	10/10/1986	Trà Vinh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
21	082	0022410243	Bùi Duy	Khánh	Nam	Kinh	08/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
22	083	0015411991	Bùi Kim	Khánh	Nữ	Kinh	01/3/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
23	084	0022411682	Nguyễn Bảo	Khánh	Nam	Kinh	25/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
24	085	0022412262	Huỳnh Lâm Đăng	Khoa	Nam	Kinh	17/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
25	086	0022410692	Lê Đăng	Khoa	Nam	Kinh	19/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
26	087	0022412272	Võ Trường	Khoa	Nam	Kinh	06/4/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4

Tổng số thí sinh: 26



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 04

ĐỊA ĐIỂM: P.104-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	088	0023411234	Lâm Đình Khôi	Nam	Kinh	09/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
2	089	0024416429	Đào Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	03/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
3	090	0022411707	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	05/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
4	091	0024417881	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	30/10/2006	Long An	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
5	092	0024415949	Trần Thị Kim	Nữ	Kinh	29/9/2006	Cần Thơ	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
6	093	0022412608	La Thị Lan	Nữ	Kinh	26/5/2004	An Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
7	094	087178020470	Võ Thị Thanh Lan	Nữ	Kinh	26/4/1978	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
8	095	0022410792	Nguyễn Văn Lên	Nam	Kinh	15/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
9	096	0023413630	Nguyễn Thị Mai Liên	Nữ	Kinh	02/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
10	097	0023310068	Trần Thị Thúy Liên	Nữ	Kinh	22/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
11	098	0020410436	Đoàn Yến Linh	Nữ	Kinh	13/12/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
12	099	0022410502	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	Kinh	17/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
13	100	0022412490	Nguyễn Chí Linh	Nam	Kinh	11/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
14	101	0022411633	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	Kinh	23/4/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
15	102	0022410572	Nguyễn Thành Lợi	Nam	Kinh	27/9/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
16	103	0022411783	Nguyễn Văn Vũ Luân	Nam	Kinh	29/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
17	104	0024418061	Nguyễn Thị Kim Luyến	Nữ	Kinh	14/8/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
18	105	0023414111	Lâm Thị Cẩm Ly	Nữ	Kinh	21/11/2005	Long An	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
19	106	087192001406	Nguyễn Thị Trúc Ly	Nữ	Kinh	11/6/1992	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
20	107	0022412364	Văn Công Lý	Nam	Kinh	09/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
21	108	0024417186	Ngô Thị Trúc Mai	Nữ	Kinh	05/12/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
22	109	0022410545	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	Kinh	05/8/2004	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
23	110	087187017577	Nguyễn Thị Kim Mai	Nữ	Kinh	01/01/1987	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
24	111	0022410821	Nguyễn Trần Xuân Mai	Nữ	Kinh	10/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
25	112	0023310054	Trần Trúc Mai	Nữ	Kinh	03/01/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
26	113	0024416670	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	Kinh	01/8/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
27	114	0022411312	Lê Phương Uyên Mi	Nữ	Kinh	05/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
28	115	0022411699	Vũ Văn Minh	Nam	Kinh	02/02/2004	Bình Thuận	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
29	116	0024416864	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	Kinh	30/9/2006	Tây Ninh	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
30	117	0024416137	Cao Lê Thiện Mỹ	Nữ	Kinh	18/9/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
31	118	0022411326	Phạm Văn Nam	Nam	Kinh	06/12/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
32	119	0022412132	Trương Nhựt Nam	Nam	Kinh	21/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 05

ĐỊA ĐIỂM: P.201-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	120	0022410765	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	18/4/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	121	0024418225	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	Nữ	Kinh	08/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	122	0022412244	Nguyễn Thúy Ngân	Nữ	Kinh	07/11/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	123	0024416245	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	21/01/2006	Cần Thơ	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	124	0024417515	Trần Thảo Ngân	Nữ	Kinh	02/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	125	0024417918	Trương Hoàng Bảo Nghi	Nữ	Kinh	20/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	126	0024417161	Lê Trọng Nghĩ	Nam	Kinh	21/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	127	0024417480	Nguyễn Thành Nghĩ	Nam	Kinh	17/12/2006	Tây Ninh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	128	0022412032	Trần Minh Nghĩ	Nam	Kinh	02/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	129	0022412185	Lê Dương Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	02/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	130	0024417349	Lê Kim Ngọc	Nữ	Kinh	23/02/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	131	0024419703	Lê Thị Tuyết Ngọc	Nữ	Kinh	06/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	132	0023410676	Phạm Đỗ Hoài Ngọc	Nữ	Kinh	17/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	133	087311008492	Thái Lê Khánh Ngọc	Nữ	Kinh	12/9/2011	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	134	0022412483	Trần Thị Lê Ngọc	Nữ	Kinh	17/01/2004	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	135	0023412486	Đoàn Trí Nguyễn	Nam	Kinh	06/5/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	136	0024416317	Hà Nguyễn Thảo Nguyễn	Nữ	Kinh	20/8/2006	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	137	0022411042	La Thị Thảo Nguyễn	Nữ	Kinh	04/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	138	0024419545	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Nữ	Kinh	25/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	139	0025411513	Huỳnh Thái Nguyễn	Nữ	Kinh	19/5/2007	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	140	0023412521	Châu Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	18/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	141	0024415428	Hồ Nguyễn Uyên Nhi	Nữ	Kinh	12/9/2006	Bình Thuận	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	142	0022411805	Lê Ngọc Thiên Nhi	Nữ	Kinh	28/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	143	0023310066	Nguyễn Thị Bảo Nhi	Nữ	Kinh	08/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	144	0024418210	Phan Ngọc Huỳnh Nhi	Nữ	Kinh	09/4/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	145	0022410846	Phan Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	27/4/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	146	0024416001	Quách Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	19/02/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	147	0022410047	Tô Hàng Phương Nhi	Nữ	Kinh	18/4/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	148	0022411342	Trần Yến Nhi	Nữ	Kinh	22/10/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	149	0022410128	Võ Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	Kinh	03/8/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
31	150	0022410800	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	01/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 31



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 06

ĐỊA ĐIỂM: P. 202-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	151	0022410674	Lâm Nguyễn Tâm Như	Nữ	Kinh	14/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	152	0024417373	Lâm Quỳnh Như	Nữ	Kinh	03/3/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	153	0022410815	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	Kinh	14/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	154	0023410766	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	Kinh	07/9/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	155	0024415528	Lê Võ Ngọc Như	Nữ	Kinh	08/11/2006	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	156	0024419634	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	Kinh	18/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	157	0022410639	Phạm Lê Quỳnh Như	Nữ	Kinh	30/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	158	0024417073	Trần Đình Gia Như	Nữ	Kinh	18/5/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	159	0024419317	Trần Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	Kinh	29/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	160	0023410067	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	Kinh	28/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	161	0024416963	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	Kinh	19/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	162	0023414118	Trần Bảo Nhung	Nữ	Kinh	27/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	163	0023411176	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	Kinh	03/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	164	0023410815	Võ Phú Nhựt	Nam	Kinh	29/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	165	0024416208	Nguyễn Thị Kiều Ni	Nữ	Kinh	09/7/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	166	0024416234	Nguyễn Thị Ngọc Niềm	Nữ	Kinh	15/8/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	167	0022411883	Nguyễn Đình Oai	Nam	Kinh	15/11/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	168	0023411597	Hà Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	22/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	169	0022411811	Nguyễn Lê Hoàng Oanh	Nữ	Kinh	13/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	170	0022410435	Phan Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	27/7/2004	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	171	0023412022	Tiêu Thị Thúy Oanh	Nữ	Kinh	26/02/2005	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	172	087208014138	Bùi Tiến Phát	Nam	Kinh	20/10/2008	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	173	0023410206	Lê Tấn Phát	Nam	Kinh	31/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	174	0023411818	Lê Quang Phi	Nam	Kinh	24/10/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	175	0024417271	Nguyễn Thành Phú	Nam	Kinh	01/8/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	176	0022410259	Nguyễn Ngô Minh Phúc	Nam	Kinh	27/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	177	0023412196	Mai Thị Kim Phụng	Nữ	Kinh	27/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	178	0024417621	Nguyễn Thị Mai Phụng	Nữ	Kinh	17/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	179	0024416350	Nguyễn Trần Gia Quyền	Nữ	Kinh	13/12/2006	Hậu Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	180	0022412070	Ngô Ngọc Như Quỳnh	Nữ	Kinh	24/5/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
31	181	0022412551	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	Kinh	08/8/2004	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 31



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 07

ĐỊA ĐIỂM: P.203- B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	182	0022411146	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Nữ	Kinh	17/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	183	0022410162	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	Kinh	26/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
3	184	0024416368	Mai Thanh Sang	Nam	Kinh	12/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
4	185	0022410330	Từ Thị Diễm Sương	Nữ	Kinh	24/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
5	186	0022412520	Neàng Chanh Ry Ta	Nữ	Khmer	18/7/2004	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
6	187	0022410667	Hồ Diệu Tâm	Nữ	Kinh	11/12/2004	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
7	188	0024416110	Võ Thị Ngân Tâm	Nữ	Kinh	25/5/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
8	189	0021413134	Nguyễn Duy Tân	Nam	Kinh	24/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
9	190	0024417706	Nguyễn Ngọc Thạch	Nam	Kinh	03/9/2006	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
10	191	0024417685	Nguyễn Hoàng Thái	Nam	Kinh	12/11/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
11	192	0022410209	Nguyễn Thành Thái	Nam	Kinh	20/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
12	193	087209017737	Phạm Danh Thái	Nam	Kinh	02/6/2009	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
13	194	0023411779	Trương Quốc Thái	Nam	Kinh	22/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
14	195	087196008110	Đỗ Thị Hồng Thẩm	Nữ	Kinh	11/6/1996	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
15	196	0023410477	Lê Hữu Thắng	Nam	Kinh	25/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
16	197	0024418596	Nguyễn Châu Thanh	Nam	Kinh	18/12/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
17	198	0023310071	Phạm Nguyễn Hồng Thanh	Nữ	Kinh	11/5/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
18	199	0022412120	Lê Hữu Thành	Nam	Kinh	16/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
19	200	0022411879	Nguyễn Tấn Thành	Nam	Kinh	07/4/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
20	201	0022410561	Bùi Thị Hương Thảo	Nữ	Kinh	28/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
21	202	0022412100	Võ Phú Thuận Thiên	Nữ	Kinh	29/7/2004	Hậu Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
22	203	0022410401	Lê Minh Thiện	Nam	Kinh	22/4/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
23	204	0022412266	Lê Phúc Thịnh	Nam	Kinh	17/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
24	205	0022411254	Nguyễn Quốc Thịnh	Nam	Kinh	15/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
25	206	0022412102	Diệp Hồng Thơ	Nữ	Kinh	09/02/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
26	207	0022412381	Huỳnh Ngọc Thơ	Nữ	Kinh	30/12/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
27	208	0023411202	Nguyễn Tấn Minh Thông	Nam	Kinh	04/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
28	209	0022412283	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Nữ	Kinh	26/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4

Tổng số thí sinh: 28



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 08

ĐỊA ĐIỂM: P.204- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	210	0022410903	Dương Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	17/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	211	0023412118	Hồ Anh	Thư	Nữ	Kinh	16/3/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	212	0024415552	Huỳnh Trần Anh	Thư	Nữ	Kinh	17/01/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	213	0024419579	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	23/01/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	214	0023412392	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	Kinh	06/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	215	0022410289	Phạm Hoàng Anh	Thư	Nữ	Kinh	20/02/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	216	0024416469	Trần Huỳnh Anh	Thư	Nữ	Kinh	15/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	217	0021413289	Trương Ngọc Minh	Thư	Nữ	Kinh	07/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	218	0023411354	Huỳnh Văn	Thuận	Nam	Kinh	14/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	219	0022410532	Lê Thị Hoài	Thư	Nữ	Kinh	26/6/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	220	0024415837	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	Nữ	Kinh	12/4/2006	Đồng Nai	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	221	0021413305	Huỳnh Thị Như	Thùy	Nữ	Kinh	07/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	222	0022412146	Lê Thanh	Thùy	Nữ	Kinh	06/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	223	0022411526	Nguyễn Minh	Thy	Nữ	Kinh	19/4/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	224	0022410651	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	02/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	225	0023310076	Huỳnh Nguyễn Thảo	Tiên	Nữ	Kinh	20/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	226	0023410088	Kiều Thị	Tiên	Nữ	Kinh	05/3/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	227	0022411039	Lê Thị	Tiên	Nữ	Kinh	21/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	228	0023410365	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	30/9/2005	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	229	0023411238	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	Nữ	Kinh	27/7/2005	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	230	0022410452	Quách Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	10/11/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	231	0022410504	Trần Thuý	Tiên	Nữ	Kinh	01/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	232	0023413950	Võ Thị Kim	Tiến	Nữ	Kinh	29/6/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	233	0024415496	Lại Thanh	Toàn	Nam	Kinh	23/11/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	234	0023412863	Huỳnh Mai Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	05/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	235	0024416117	Lê Bảo	Trâm	Nữ	Kinh	21/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	236	0022411605	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	12/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	237	0024415871	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	Nữ	Kinh	11/8/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	238	0024415878	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	27/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	239	0022410266	Võ Lê Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	02/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	240	0022410248	Võ Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	Kinh	29/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
32	241	0024416231	Dương Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	06/4/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 09

ĐỊA ĐIỂM: P.205- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	242	0022411196	Lê Nguyễn Bảo Trân	Nữ	Kinh	02/01/2004	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
2	243	0022410440	Lê Nguyễn Huệ Trân	Nữ	Kinh	23/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
3	244	0024418566	Lê Thị Bảo Trân	Nữ	Kinh	02/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
4	245	0022412534	Nguyễn Thị Bảo Trân	Nữ	Kinh	16/7/2004	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
5	246	0022411233	Nguyễn Thị Quế Trân	Nữ	Kinh	03/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
6	247	0022410977	Quách Bảo Trân	Nữ	Kinh	02/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
7	248	0024415753	Đỗ Nguyễn Văn Trang	Nữ	Kinh	12/6/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
8	249	0024415418	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	26/02/2006	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
9	250	0023310069	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	29/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
10	251	0022411753	Nguyễn Thuỵ Đoan Trang	Nữ	Kinh	09/8/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
11	252	0024417667	Châu Ngọc Trí	Nam	Kinh	02/7/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
12	253	087095016106	Nguyễn Minh Triết	Nam	Kinh	26/11/1995	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
13	254	0024417241	Đoàn Thị Yến Trinh	Nữ	Kinh	02/6/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
14	255	0022411038	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Nữ	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
15	256	0024418564	Lê Võ Thanh Trúc	Nữ	Kinh	11/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
16	257	0022410657	Nguyễn Thị Phi Trúc	Nữ	Kinh	10/4/2004	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
17	258	0024417457	Trần Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	Kinh	22/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
18	259	0024417237	Trần Thị Kim Trúc	Nữ	Kinh	23/6/2006	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
19	260	0022410522	Mai Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	24/6/2004	Bình Phước	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
20	261	0024419550	Võ Cẩm Tú	Nữ	Kinh	28/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
21	262	0022411500	Phạm Tấn Tuấn	Nam	Kinh	13/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
22	263	0022411440	Phạm Văn Minh Tuấn	Nam	Kinh	23/3/2004	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
23	264	0022412509	Phan Thương Tuấn	Nam	Kinh	16/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
24	265	0020410631	Từ Hoàng Tuấn	Nam	Kinh	15/02/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
25	266	0023412675	Huỳnh Nguyễn Ngọc Tươi	Nữ	Kinh	06/11/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
26	267	0024419567	Lê Thị Cẩm Tường	Nữ	Kinh	23/01/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
27	268	0023413194	Phạm Duy Tường	Nam	Kinh	08/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
28	269	0022411729	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	Nữ	Kinh	11/5/2004	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4

Tổng số thí sinh: 28



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 14, NGÀY 23/11/2025

PHÒNG THI SỐ: 10

ĐỊA ĐIỂM: P.206-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	270	0022412529	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	Kinh	14/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	271	0023411655	Châu Thị Mỹ Vẹn	Nữ	Kinh	10/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	272	0022412502	Lâm Bảo Vi	Nữ	Kinh	03/11/2004	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	273	0022411995	Nguyễn Hiền Vi	Nữ	Kinh	15/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	274	0023411172	Nguyễn Thị Ngọc Vi	Nữ	Kinh	03/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	275	0022411379	Huỳnh Nhật Vinh	Nam	Kinh	13/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	276	0023414133	Lê Quang Vinh	Nam	Kinh	07/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	277	0022411680	Nguyễn Võ Trọng Vinh	Nam	Kinh	16/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	278	0023411932	Lê Nguyễn Tường Vy	Nữ	Kinh	06/02/2005	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	279	0022411268	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Nữ	Kinh	06/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	280	0025412003	Nguyễn Thị Kiều Vy	Nữ	Kinh	15/7/2007	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	281	0022410534	Nguyễn Thị Yến Vy	Nữ	Kinh	24/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	282	0024417176	Nguyễn Tường Vy	Nữ	Kinh	29/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	283	0023413081	Phạm Thị Thúy Vy	Nữ	Kinh	23/12/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	284	0023412488	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	Kinh	26/11/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	285	087188004938	Phạm Minh Xuân	Nữ	Kinh	26/4/1988	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	286	0024415467	Vi Thị Mỹ Xuyên	Nữ	Kinh	25/9/2006	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	287	0022410366	Lê Thị Hồng Xuyên	Nữ	Kinh	04/02/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	288	0024415455	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	05/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	289	0024416334	Đặng Thị Yến	Nữ	Kinh	10/4/2006	Gia Lai	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	290	0023411912	Lý Hồng Yến	Nữ	Kinh	11/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	291	0022412739	Nguyễn Đăng Kỳ	Nam	Kinh	06/8/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
23	292	0023412160	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	Kinh	22/11/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
24	293	0023414022	Phạm Thị Tuyết Ngân	Nữ	Kinh	04/4/2005	Bến Tre	6h45'		206- B4	
25	294	0023412159	Bùi Uyển Nhi	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
26	295	0023310065	Nguyễn Đỗ Thúy Quyên	Nữ	Kinh	08/01/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
27	296	0024415648	Dương Anh Thư	Nữ	Kinh	26/01/2006	Tiền Giang	6h45'		206- B4	
28	297	0023410897	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	Kinh	11/01/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
29	298	0022412734	Trần Gia Tuệ	Nữ	Kinh	14/7/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
30	299	087212001644	Nguyễn Mạnh Tường	Nam	Kinh	09/01/2012	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
31	300	087306010993	Phùng Thị Ngọc Huệ	Nữ	Kinh	13/6/2006	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
32	301	0022410456	Trần Nhã Linh	Nữ	Kinh	16/6/2004	Vĩnh Long		08h00'		206- B4
33	302	0022412376	Cao Thiệp Mỹ	Nam	Kinh	31/10/2000	Cà Mau		08h00'		206- B4
34	303	0022412724	Trần Đình Ngưng	Nam	Kinh	12/9/2002	Sóc Trăng		08h00'		206- B4
35	304	0023310048	Nguyễn Thị Trúc Phụng	Nữ	Kinh	20/02/2005	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
36	305	0022412314	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	Kinh	24/12/2003	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
37	306	0022412477	Nguyễn Thị Huệ Thơm	Nữ	Kinh	31/7/2004	Bến Tre		08h00'		206- B4
38	307	0022410991	Võ Thị Như Ý	Nữ	Kinh	15/9/2004	Bạc Liêu		08h00'		206- B4
39	308	0022412054	Nguyễn Ngọc Yến	Nữ	Kinh	06/01/2004	Đồng Tháp		08h00'		206- B4

Tổng số thí sinh: 39